TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 725/2023/DS-PT
Ngày 18 tháng 10 năm 2023
V/v: Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, thừa kế tài sản và đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Gia V - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 412/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 về vụ án *"Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, thừa kế tài sản và đòi lại tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2504/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: 3003 Florida Ave, Halethorpe, MD 21227, Hoa Kỳ; vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Thanh Th theo Văn bản ủy quyền ngày 07/4/2022:

Ông Võ Ngọc K, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: 86/17B5 đường Cách Mạng Tháng T, phường Bùi Hữu Ng, phường Bình Th, thành phố Cần Th; có mặt.

Ông Trần Ngọc Đ, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Lô 36, đường Hoàng H, khu dân cư Hoàng Q, ấp Mỹ L, xã Mỹ H, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Tuyết M, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: 3422 Annapolis Rd, Halethorpe, MD 21227-1117; vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của bà Bùi Thị Tuyết M theo Văn bản ủy quyền ngày 12/8/2022:

Bà Phạm Thị Vỹ L, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: 129/97 Trần Vĩnh K, phường An B, quận Ninh K, thành phố Cần Th; vắng mặt.

Ông Bùi Trung H, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: 486/1 khu vực Thới B, phường Thới A, quận Ô M, thành phố Cần Th; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thanh Th, sinh năm 2009; địa chỉ cư trú: 3422 Annapolis Rd, Halethorpe, MD 21227-1117; vắng mặt.

Bà Đỗ Thị Th Ho, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: 3003 Florida Ave, Halethorpe, MD 21227, Hoa Kỳ; vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của bà Đỗ Thị Th Ho theo Văn bản ủy quyền ngày 07/4/2022:

Ông Võ Ngọc K, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: 86/17B5 đường Cách Mạng Tháng T, phường Bùi Hữu Ng, phường Bình Th, thành phố Cần Th; có mặt.

Ông Trần Ngọc Đ, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Lô 36, đường Hoàng H, khu dân cư Hoàng Q, ấp Mỹ L, xã Mỹ H, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

Bà Lê Hồng C, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: 3B, đường Đặng Thanh S, khu vực Thới Tr, phường Phước Th, quận Ô M, thành phố Cần Th; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Hồng C: Ông Phạm Hồng Th là Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Hồng Th thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Th; địa chỉ: Số 59/21 Bến Hoa V, khu vực 14, phường Châu Văn L, quận Ô M, thành phố Cần Th; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Ngọc K là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thanh Th là Nguyên đơn; bà Lê Hồng C là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trần Văn Ngh và bà Đỗ Thị Th Ho là vợ chồng có đám cưới từ trước năm 1975 nhưng đến năm 2000 mới thực hiện việc đăng ký kết hôn theo pháp luật. Ông Ngh và bà Th Ho có một người con chung là bà Trần Thị Thanh Th. Theo trình bày của bà Th thì vào ngày 23/08/2004, ông Ngh và bà Ho vay của bà số tiền 200.000 Đô la Mỹ; đến ngày 23/08/2014, ông Ngh và bà Ho tiếp tục vay thêm của bà số tiền 50.000 Đô la Mỹ, tổng cộng là 250.000 Đô la Mỹ. Ngày 27/4/2016, ông Ngh và bà Ho ly hôn theo Quyết định số 03-C-15-006320 của Tòa án Quận Baltimore thuộc Tiểu bang Maryland, Hoa Kỳ. Ngày 29/12/2016, ông Trần Văn Ngh kết hôn với bà Bùi Thị Tuyết M và có một con chung là bà Trần Thanh Th. Ông Ngh và bà M có tài sản chung gồm: (1) Quyền sử dụng 542,5m^2 đất thuộc thửa số 314, Tờ bản đồ số 17 đường Đặng Thanh S, khu vực Thới Tr, phường Phước Th, quận Ô M, thành phố Cần Th theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 219949 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Th cấp ngày 29/05/2020, trên đất có căn nhà cấp 3 diện tích 284m^2; (2) số tiền 200.000.000 đồng tại Thẻ tiết kiệm số CA 09648460 ngày 19/08/2021 mở tại tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Phòng giao dịch Ô M, Chi nhánh Tây Đ đứng tên ông Trần Văn Ngh; (3) số tiền 400.000.000 đồng tại Thẻ tiết kiệm số CA 09648461 ngày 19/08/2021 mở tại tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Phòng giao dịch Ô M, Chi nhánh Tây Đ đứng tên ông Trần Văn Ngh; (4) số tiền 100.000.000 đồng tại Thẻ tiết kiệm số CA 09648462 ngày 19/08/2021 mở tại tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Phòng giao dịch Ô M, Chi nhánh Tây Đ đứng tên ông Trần Văn Ngh; (5) xe ô tô CHEVROLET AVEO biển số 63A – 079…, xe máy Airblade biển số 63B9 – 090….

Ngày 26/02/2022, ông Trần Văn Ngh chết không để lại di chúc. Bà Trần Thị Thanh T khởi kiện bà Bùi Thị Tuyết M yêu cầu: (1) Trích di sản do ông Ngh để lại để thanh toán cho bà số tiền 125.000 Đô la Mỹ là khoản nợ chung của ông Ngh và bà Ho; (2) phần di sản còn lại của ông Ngh sau khi thanh toán các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính (nếu có) được chia làm 3 suất thừa kế theo pháp luật, bà yêu cầu được nhận 1/3 giá trị; ngoài ra, bà Thảo không đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Hồng C.

Về phía bà Bùi Thị Tuyết M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi số tiền 125.000 Đô la Mỹ vì ông Ngh không vay số tiền này của bà T; đối với tài sản do ông Ngh để lại thì đề nghị phát mãi để nhận giá trị; không đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Lê Hồng C; yêu cầu phản tố buộc bà C di dời toàn bộ tài sản của bà C trả lại đất.

Bà Lê Hồng C thì cho rằng quen biết và chung sống với ông Ngh từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới tại quê nhà; trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến khi ông Ngh mất, bà chăm sóc ông Ngh và bảo quản di sản của ông Ngh.

Vì vậy, bà yêu cầu các thừa kế của ông Ngh trả cho bà giá trị căn tiệm tạp hóa với giá trị 300.000.000 đồng, tiền công ở là 299.520.000 đồng, chi phí quản lý di sản 50.000.000 đồng, tiền xây vách bảo vệ 10.000.000 đồng, chi phí lắp camera 15.000.000 đồng, tổng cộng 674.520.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 25/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố Cần Th quyết định (tóm tắt):

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T: Xác định di sản ông Ngh để lại gồm:

1/2 quyền sử dụng chung phần đất có diện tích 542.5m^2 (loại đất trồng cây hàng năm và đất thổ cư) tại thửa 314, tờ bản đồ số 17 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 219949 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Th cấp cho bà Bùi Thị Tuyết M và ông Trần Văn Ngh ngày 29/5/2020. Đất hiện tọa lạc tại phường Phước Th, quận Ô M, thành phố Cần Th và giá trị căn nhà trên đất; 1/2 giá trị xe Chevrolet loại Aveo biển kiểm soát 63A-079... do Công an tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Trần Văn Ngh; 1/2 giá trị xe gắn máy hiệu Airblade biển kiểm soát 63B9 – 090... do ông Trần Văn Ngh đứng tên; 1/2 giá trị tiền các sổ tiết kiệm số CA 09648462, CA 09648460, CA 09648461 là 700.000.000 đồng cùng tiền lãi của các sổ trong tài khoản thanh toán số 107870541378 mang tên Trần Văn Ngh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây đ. Các thừa kế của ông Ngh được quyền liên hệ Ngân hàng để nhận khoản tiền này. Đề nghị Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đ có nghĩa vụ tất toán cho các thừa kế của ông Ngh theo quy định.

Buộc các thừa kế của ông Trần Văn Ngh gồm: bà Trần Thị Thanh T, Trần Thị Thanh Th, Bùi Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 2.960.000.000 đồng trong phạm vi khối tài sản ông Ngh để lại.

Đối với các tài sản là nhà, đất, xe ô tô, xe gắn máy được bán để chia làm 03 phần cho các thừa kế của ông Ngh (nếu còn) sau khi trừ đi số tiền trả cho bà T 2.960.000.000 đồng, tiền công sức cho bà M 200.000.000 đồng, hỗ trợ bà C 100.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Tuyết M.

Buộc bà Lê Hồng C có nghĩa vụ di dời các tài sản cá nhân để giao trả lại nhà, đất tại số 3B, Đặng Thanh S, phường Phước Th, quận Ô M, thành phố Cần Th cho bà Bùi Thị Tuyết M cùng các tài sản của ông Ngh và bà Minh hiện hữu tại nhà trên gồm có: 01 loa hát karaoke, 01 cân đồng hồ 30 kg, 03 quạt đứng, 01 ghế thang sắt cao, 01 két sắt.

Buộc bà C trả cho bà M bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 219949 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho bà Bùi Thị Tuyết M và ông Trần Văn Ngh ngày 29/5/2020; xe và bản chính giấy đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet loại Aveo do Công an tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Trần Văn Ngh; xe và bản chính giấy đăng ký xe gắn máy

hiệu Honda loại Airblade biển kiểm soát 63B9 – 090… do ông Trần Văn Ngh đứng tên.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Hồng C.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/6/2023, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thanh T là ông Võ Ngọc K và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Hồng C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thanh T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về các nội dung: Không đồng ý trích công sức với số tiền 200.000.000 đồng cho bà Bùi Thị Tuyết M; Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho các đồng thừa kế được quyền liên hệ với Ngân hàng để nhận các khoản tiền tiết kiệm theo sổ tiết kiệm số CA09648460, CA 09648461, CA 09648462 trị giá 700.000.000 đồng là không thể thi hành trong trường hợp thiếu một đồng thừa kế; yêu cầu được nhận số tiền 700.000.000 đồng để trừ vào số tiền ông Ngh nợ bà T; đề nghị Tòa án giao tài sản của ông Ngh cho bà M quản lý, sử dụng và bà M có nghĩa vụ giao lại giá trị cho bà T theo tỷ lệ được nhận là một phần ba. Đối với tiền lãi của 03 sổ tiết kiệm thì bà T đồng ý để cho bà Minh nhận toàn bộ.

Bà Lê Hồng C đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại có hay không sự việc ông Ngh vay tiền của bà T; yêu cầu được hưởng chi phí quản lý di sản thừa kế theo quy định tại Điều 616, Điều 618 Bộ luật Dân sự năm 2015; yêu cầu được trả tiền chi phí lắp camera.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Hồng C trình bày: Mặc dù bà C chung sống với ông Trần Văn Ngh không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng nên cần công nhận quan hệ giữa bà C và ông Ngh là hôn nhân thực tế. Trong thời gian chung sống với ông Ngh, bà C là người quán xuyến nhà cửa, chăm sóc ông Ngh cho tới khi ông Ngh chết, về phía bà M thì không có ý kiến phản đối nên mặc nhiên xem như bà M đã đồng ý việc bà C chung sống với ông Ngh. Trên thực tế, bà C đã bỏ nhiều chi phí để làm quán tạp hóa buôn bán, sau khi ông Ngh chết thì bà C cũng chính là người quản lý di sản cho các đồng thừa kế của ông Ngh và lắp đặt camera để đảm bảo an ninh. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Hồng C.

Bà Lê Hồng C đồng ý với quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thanh T không đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Lê Hồng C, đồng ý hỗ thêm 100.000.000 đồng cho bà C và 15.000.000 đồng chi phí lắp đặt camera; đề nghị Hội đồng xét xử giữ

nguyên bản án sơ thẩm về phần nội dung, sửa về cách tuyên án để đảm bảo việc thi hành án như trong đơn kháng cáo và trình bày tại phiên tòa phúc thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Tuyết M đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, bà C; đồng ý hỗ trợ thêm cho bà Cẩm 100.000.000 đồng và 15.000.000 đồng chi phí lắp đặt camera; phần còn lại của bản án sơ thẩm giữ nguyên

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không xuất trình được chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Lê Hồng C và kháng cáo của bà Trần Thị Thanh T. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thống nhất hỗ trợ thêm cho bà Cẩm 100.000.000 đồng và 15.000.000 đồng chi phí lắp đặt camera là thể hiện sự tự nguyện của các đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận và sửa án sơ thẩm về phần này, các phần khác của bản án sơ thẩm đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Thanh T do ông Võ Ngọc K đại diện và Đơn kháng cáo của bà Lê Hồng C nộp trong thời hạn, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự và người đại diện hợp pháp của các đương sự vắng mặt nhưng thuộc trường hợp đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các đương sự như sau:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T về việc buộc bà Bùi Thị Tuyết M trả một phần hai số tiền ông Nghề vay của bà T là 125.000 Đô la Mỹ:

Theo Hợp đồng mượn tiền công chứng được lập vào ngày 23/8/2004 thể hiện ông Trần Văn Ngh và bà Đỗ Thị T Ho vay của bà T số tiền 200.000 Đô la Mỹ; sau đó ông Ngh và bà Ho tiếp tục vay của bà T thêm 50.000 Đô la Mỹ. Vì vậy, có cơ sở xác định tổng số tiền ông Ngh, bà Ho vay của bà T là 250.000 Đô la Mỹ nên việc bà T khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Tuyết M thực hiện nghĩa vụ của ông Ngh là trả cho bà T một phần hai số tiền tương đương với 125.000 Đô la Mỹ và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T và bà M không kháng cáo về nội dung này nên Tòa án cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết lại.

[2.2] Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Trần Thị Thanh T đối với phần di sản của ông Trần Văn Ngh và việc thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại:

Bà Trần Thị Thanh T và bà Bùi Thị Tuyết M thống nhất tài sản ông Trần Văn Ngh để lại gồm: ½ thửa đất 314, diện tích thực tế 542,5m^2, loại đất ODT và CLN, phần đất này bà M và ông Ngh được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy năm 2020; ½ giá trị xe ô tô hiệu Chevrolet là 175.000.000 đồng, ½ giá trị xe gắn máy hiệu Airblade là 35.000.000 đồng, ½ số tiền theo sổ tiết kiệm là 700.000.000 đồng và ½ lãi do ông Nghề đứng tên.

Do xác định số tiền ông Ngh được hưởng là 350.000.000 đồng theo các Sổ tiết kiệm, nên những người thừa kế của ông Ngh có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền này theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản tiền 350.000.000 còn lại và toàn bộ tiền lãi thuộc quyền sở hữu của bà Bùi Thị Tuyết M.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà Bùi Thị Tuyết M và bà Trần Thị Thu T cùng có yêu cầu nhận bằng giá trị các tài sản do ông Trần Văn Ngh để lại. Hội đồng xét xử xét thấy thửa đất số 314 hiện tại do bà M và ông Nghề cùng đứng tên quyền sử dụng đất, các tài sản còn lại do ông Ngh đứng tên quyền sở hữu; do đó, để đảm bảo cho việc thi hành án cũng như đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại đúng quy định theo khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì cần thiết phải giao toàn bộ tài sản này cho bà M quản lý, đồng thời buộc bà M giao lại giá trị thừa kế cho các đồng thừa kế sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ của ông Ngh đối với bà T và các chi phí khác.

Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Ngh và bà M là hợp pháp, trong quá trình chung sống vợ chồng, khi ông Ngh về Việt Nam kinh doanh, bà M thường xuyên gửi tiền cho ông Ngh thông qua Doanh nghiệp kinh doanh vàng bạc Kim Ngọc. Đ này cho thấy bà M có công sức đóng góp trong việc hình thành khối tài sản chung vợ chồng giữa bà M và ông Ngh. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức cho bà M với số tiền 200.000.000 đồng là phù hợp

[2.3] Đối với yêu cầu độc lập của bà Lê Hồng C:

Bà Lê Hồng C cho rằng nhà tạp hóa phía trước và mái che do bà làm với chi phí 300.000.000 đồng nên yêu cầu được thanh toán nhưng bà C không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C thừa nhận tiệm tạp hóa được hình thành vào thời điểm bà M đang sống với ông Ngh. Vì vậy, không có cơ sở xác định bà C xây dựng tiệm tạp hóa này, nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà C là có căn cứ.

Về yêu cầu của bà Lê Hồng C đề nghị được thanh toán 299.520.000 đồng tiền công quản lý và giúp việc nhà cho ông Ngh trong 06 năm: Hồ sơ vụ án thể hiện bà Bùi Thị Tuyết M xuất cảnh định cư ở Hoa Kỳ vào năm 2019. Năm 2020 đại dịch Covid 19 bùng phát cho tới hết năm 2021, trong thời gian này bà C một mình chăm sóc và quản lý tài sản cho ông Ngh cho đến khi ông Ngh mất, nên cần xem xét công sức cho bà C ở mức độ hợp tình, hợp lý. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền bà C đề nghị được thanh toán là phù hợp nên chấp nhận.

Về yêu cầu của bà Lê Hồng C đề nghị được thanh toán 50.000.000 đồng tiền công sức quản lý di sản thừa kế của ông Ngh: Sau khi ông Ngh mất, bà C trực tiếp quản lý toàn bộ di sản của ông Ngh nên cần phải xem xét công sức cho bà C. Xét số tiền 50.000.000 đồng bà C yêu cầu là hợp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu được chi trả số tiền lắp camera: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện cho nguyên đơn và người đại diện cho bị đơn đồng ý trích 15.000.000 đồng từ di sản của ông Nghề để trả cho bà Cẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

[2.4] Với nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Thanh T và chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Hồng C.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do kháng cáo của bà Lê Hồng C được chấp nhận nên Hội đồng xét xử sửa án phí bà Cẩm phải nộp.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Trần Thị Thanh T, bà Lê Hồng C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Thanh T do ông Võ Ngọc K đại diện; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Hồng C; và sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 25/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Th.

- Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 615, Điều 623, Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T:

- Xác định di sản ông Ngh để lại gồm:

1/2 quyền sử dụng chung phần đất có diện tích 542.5m^2 (loại đất trồng cây hàng năm và đất thổ cư) tại thửa 314, tờ bản đồ số 17 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 219949 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho bà Bùi Thị Tuyết M và ông Trần Văn Ngh ngày 29/5/2020. Đất hiện tọa lạc tại phường Phước Th, quận Ô M, thành phố Cần Th và giá trị căn nhà trên đất.

1/2 giá trị xe Chevrolet loại Aveo biển kiểm soát 63A - 079… do Công an tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Trần Văn Ngh.

1/2 giá trị xe gắn máy hiệu Airblade biển kiểm soát 63B9 - 090… do ông Trần Văn Ngh đứng tên.

1/2 giá trị tiền các sổ tiết kiệm số CA 09648462, CA 09648460, CA 09648461 là 700.000.000 đồng cùng tiền lãi của các sổ trong tài khoản thanh toán số 107870541378 mang tên Trần Văn Ngh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây đ.

- Xác định khoản nợ của ông Trần Văn Ngh đối với bà Trần Thị Thanh T là số tiền 2.960.000.000 đồng.

2. Giao cho bà Bùi Thị Tuyết M quản lý các tài sản là nhà, đất, xe ô tô, xe gắn máy để thực hiện việc thi hành án. Sau khi thanh toán đủ cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 2.960.000.000 đồng, số tiền còn lại thanh toán cho bà Bùi Thị Tuyết M 200.000.000 đồng, bà Lê Hồng C 364.520.000 đồng; số tiền còn lại được chia thành 03 phần cho những đồng thừa kế là bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thanh Th, bà Bùi Thị Tuyết M.

3. Bà Trần Thị Thanh T được nhận 350.000.0000 đồng của các Sổ tiết kiệm số CA 09648462, CA 09648460, CA 09648461 trong tài khoản thanh toán số 107870541378 mang tên Trần Văn Ngh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đ. Số tiền 350.000.000 đồng và tiền lãi còn lại thuộc quyền sở hữu của bà Bùi Thị Tuyết M.

4. Buộc các đồng thừa kế của ông Trần Văn Ngh gồm: Bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thanh Th, bà Bùi Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền nợ còn lại sau khi cấn trừ số tiền 350.000.000 đồng là 2.610.000.000 đồng, trong phạm vi khối tài sản ông Ngh để lại.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Tuyết M.

- Buộc bà Lê Hồng C có nghĩa vụ di dời các tài sản cá nhân để giao trả lại nhà, đất tại số 3B, Đặng Thanh S, phường Phước Th, quận Ô M, thành phố Cần Th cho bà Bùi Thị Tuyết M cùng các tài sản của ông Ngh và bà M hiện hữu tại nhà trên gồm có: 01 loa hát karaoke, 01 cân đồng hồ 30kg, 03 quạt đứng, 01 ghế thang sắt cao, 01 két sắt. Thời hạn lưu cư là 06 tháng kể từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà Lê Hồng C trả cho bà Bùi Thị Tuyết M bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 219949 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho bà Bùi Thị Tuyết M và ông Trần Văn Ngh ngày 29/5/2020; xe và bản chính giấy đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet loại Aveo do Công an tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Trần Văn Ngh; xe và bản chính giấy đăng ký xe gắn máy hiệu Honda loại Airblade biển kiểm soát 63B9 - 090… do ông Trần Văn Ngh đứng tên.

6. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Lê Hồng C: Buộc các đồng thừa kế của ông Trần Văn Ngh gồm: Bà Trần Thị Thanh T, bà Trần Thị Thanh Th, bà Bùi Thị Tuyết M thanh toán cho bà C số tiền 364.520.000 đồng trong phạm vi tài sản của ông Trần Văn Ngh để lại, sau khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị Thanh T.

7. Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 2.225.000 đồng.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí trả nợ 30.400.000 đồng, án phí chia thừa kế 6.768.000 đồng, tổng cộng 37.168.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 49.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000261 ngày 18/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà T được nhận lại 12.582.000 đồng.

Bà Bùi Thị Tuyết M phải chịu án phí trả nợ 30.400.000 đồng, án phí chia thừa kế 6.768.000 đồng, tổng cộng 37.168.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000332 ngày 17/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Th. Bà M còn phải nộp thêm 36.868.000 đồng.

Bà Lê Hồng C phải chịu 20.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.491.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001631 ngày 17/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Th. Bà Lê Hồng C phải nộp thêm 4.519.000 đồng.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Thanh Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001831 ngày 06/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Th. Bà Lê Hồng C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001830 ngày 06/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND thành phố Cần Th;
- VKSND thành phố Cần Th;
- Cục THADS thành phố Cần Th;
- Chi cục THADS thành phố Cần Th;
- Đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP; NTTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Mạnh Cường